cấu trúc so sánh hơn

Cấp so sánh hơn của tính từ ngắn

Các tính từ ngắn là các tính từ thường chỉ có từ 1 đến 2 âm tiết. Với các tính từ ngắn, thêm đuôi –er/–ier để tạo thành cấp so sánh hơn (VD: bigger, smaller, younger, noisier, funnier,…). Cấu trúc so sánh hơn của các tính từ ngắn là:

S1 + be + adj–er/–ier + than + S2.

Ví dụ: Life in the city is noisier than life in the countryside. *(Cuộc sống ở phố thị ồn ào hơn so với cuộc sống nơi đồng quê.)*

Cấp so sánh hơn của tính từ dài

Các tính từ dài là các tính từ thường có 2 âm tiết trở lên. Với các tính từ dài, thêm more ở trước tính từ để tạo thành cấp so sánh hơn. Cấu trúc so sánh hơn của các tính từ dài là:

S1 + be + more + adj + than + S2.

Ví dụ: The book on the table is more interesting than the one you are reading. *(Cuốn sách trên bàn thú vị hơn so với cuốn mà bạn đang đọc kia.)*

Cấp so sánh hơn của tính từ bất quy tắc

Có một số tính từ không tuân theo 2 quy tắc tính từ ngắn/dài nói trên, mà chúng sở hữu dạng so sánh hơn đặc biệt riêng. Một số tính từ như vậy gồm có:

Tính từ	Dạng so sánh hơn
Good	Better
Bad	Worse
Far	Further/Farther
Little	Less

LIVEWORKSHEETS

Many/Much	More
…	…

Với các tính từ bất quy tắc, cấu trúc so sánh hơn là:

S1 + be + dạng so sánh hơn + than + S2.

Ví dụ: Eating fruits and vegetables is better for your health than eating sweets. *(Ăn hoa quả và rau củ tốt cho sức khỏe của bạn hơn là ăn bánh kẹo.)*

Bài 1: Điền dạng so sánh hơn của tính từ

1. Tall
2. Smart
3. Intelligent
4. Wonderful
5. Exciting
6. Handsome
7. Old
8. Far
9. Bad
10. Expensive
11. Cheap
12. Peaceful
13. Noisy
14. Busy
15. Good

Bài 2: Chọn đáp án đúng

1. The city skyline is (more breathtaking/breathtakinger) at night than during the day.
2. Swimming in the ocean is (more refreshing/refresher) than swimming in a pool.
3. The math exam was (difficulter/more difficult) than the science exam.
4. His explanation was (more clear/clearer) than hers.
5. Traveling by train is often (comforter/more comfortable) than traveling by bus.
6. The older model of the car was (badder/worse)than the new one.
7. Writing an essay is (more demand/more demanding) than answering multiple-choice questions.
8. The mountain hike was (more tired/more tiring) than the nature walk.
9. To Nam, learning to cook is (more complicated/complicate) than learning to bake.
10. The historical museum is (more informative/more information) than the art museum.
11. Playing chess is (strategier/more strategic) than playing checkers.

LIVEWORKSHEETS

12. Living in the suburbs is (more pleasure/more pleasant) than living in the city center.
13. This new diet is (more good/better) than the last one I tried.
14. The antique shop has (unique/more unique) items than the department store.
15. Her homemade cookies are (more tasty/tastier) than the store-bought ones.

Bài 3: Hoàn thành câu với dạng đúng của tính từ
1. My family truck is _____ than my friend's. (FAST)
2. Studying for the final exam is _____ than doing regular assignments. (CHALLENGING)
3. Summer weather is _____ than winter weather. (HOT)
4. This novel is _____ than the one I read last month. (INTERESTING)
5. To me, learning English is _____ than learning to play the piano. (EASY)
6. The city is _____ than the small town where I grew up. (BUSY)
7. Today's test was _____ than yesterday's. (HARD)
8. Running is _____ for you than sitting for long periods. (GOOD)
9. The new smartphone is _____, but it has better features. (EXPENSIVE)
10. Waking up early is _____ for me than staying up late. (DIFFICULT)
11. Science fiction movies are often _____ than romantic comedies. (EXCITING)
12. Living in the countryside is _____ than living in the city. (QUIET)
13. This painting is _____ than the one we saw at the art gallery. (BEAUTIFUL)
14. Writing a novel is _____ than writing a short story. (TIME-CONSUMING)
15. Playing team sports can be _____ than individual sports. (ENJOYABLE)

Bài 4: Tìm và sửa lỗi sai
1. Climbing the mountain was challenging than I expected.
2. Her apartment is smaller mine, but it's still quite cozy and well-decorated.
3. Learning to play the piano is difficult than learning to play the guitar.
4. The new restaurant in town is more expensive than the others, but the prices are more high.
5. Riding a bike to my school is often more slow than taking the bus.
6. Winter in the north is more cold than winter in the south.
7. Yesterday's lecture were more boring than today's.
8. This novel is more fascinating the one I read last week.
9. Running outdoors are healthier than running on a treadmill.
10. Writing poems are more challenging than writing short stories.
11. Many people think being a teacher is more hard than being a student.
12. The new model of the phone is faster and moderner.
13. Cooking at home is often cheaper dining out.
14. In my opinion, learning a musical instrument is enjoyable than learning a new language.
15. Summer vacations are usually more relaxing winter holidays.

Bài 5: Đặt câu với dạng so sánh hơn của các tính từ cho sẵn
1. Bright
2. Convenient
3. Soft

LIVEWORKSHEETS

4. Confident
5. Clever
6. Competitive
7. Friendly
8. Cute
9. Fit
10. Fantastic
11. Short
12. Useful
13. Helpful
14. Quick
15. Sweet

LIVEWORKSHEETS